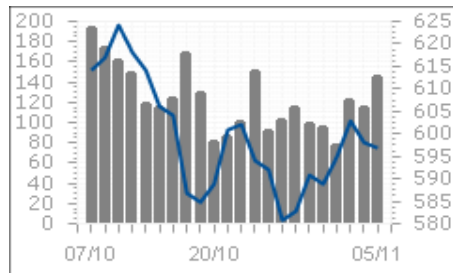


HOSE

05/11/2014

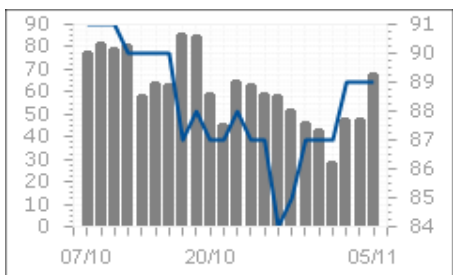
VNINDEX	597.01	-1.38	-0.23%
KLGD	146,011,840	CP	
GTGD	2,396.37	Tỷ	
GTR NDTNN	5.57	Tỷ	
CP Tăng giá	86	CP	
CP Giảm giá	136	CP	
CP Đứng giá	82	CP	



HNX

05/11/2014

HNXINDEX	88.68	-0.03	-0.04%
KLGD	68,058,249	CP	
GTGD	993.74	Tỷ	
GTR NDTNN	8.50	Tỷ	
CP Tăng giá	78	CP	
CP Giảm giá	104	CP	
CP Đứng giá	197	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	637.68	-2.23	-0.35%
HNX30	177.22	0.24	0.14%

Tâm điểm

► **Lực cầu bắt đáy khiến thanh khoản gia tăng, chỉ số 2 sàn tiếp tục điều chỉnh**

► **Thanh khoản 2 sàn đã gia tăng**
 NĐT Nước ngoài mua ròng trên cả 2 sàn

► **Giảm giá hàng loạt mặt hàng bình ổn**
 Sở Tài chính TP.HCM vừa thông báo điều chỉnh 11 mặt hàng thực phẩm Tuổi trẻ Online

► **HSBC: Việt Nam sẽ trải qua quá trình hồi phục kéo dài**
 Ngân hàng HSBC dự báo năm 2014 sẽ có xuất siêu thương mại 1,8 tỉ USD HSBC

► **EC hạ triển vọng tăng trưởng Eurozone**
 EC hạ dự báo tăng trưởng năm 2014 của khu vực đồng euro xuống 0,8% từ 1,2% DVO

► **PVS lãi ròng quý III đạt 368 tỷ đồng, giảm 24%**

Gafin

► **FCN lãi 9 tháng gần 57 tỷ đồng, hoàn thành 39% kế hoạch năm**

DVO

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,075,624	14.6	2.9	19.6%	10.6%
HNX	146,145	14.8	1.9	9.0%	4.3%
Toàn bộ thị trường	1,221,769	15.4	3.3	20.4%	10.3%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,278	6.8	0.9	13.2%	8.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	20,325	9.7	1.5	16.0%	10.5%
Thép và sản phẩm thép	38,496	14.1	2.0	22.0%	10.8%
Khai khoáng	12,816	95.2	6.1	-3.8%	-3.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,178	14.4	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	32,431	63.0	1.3	-2.0%	1.9%
Máy công nghiệp	8,627	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,190	8.9	1.5	18.4%	13.4%
Lốp xe	8,908	11.5	3.0	25.5%	11.0%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,734	11.2	1.9	18.8%	6.6%
Thực phẩm	195,694	23.8	4.1	20.5%	16.1%
Dược phẩm	15,604	11.2	2.9	22.6%	14.9%
Phần mềm	17,817	10.7	2.3	21.8%	9.0%
Sản xuất & phân phối điện	28,282	9.5	1.4	15.8%	7.6%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,841	16.6	5.4	33.0%	22.6%
Bảo hiểm nhân thọ	26,130	21.4	2.2	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	28,816	13.1	1.7	10.7%	7.7%
Ngân hàng	239,652	11.3	1.2	10.5%	0.9%
Bất động sản	196,095	17.9	4.6	24.2%	5.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,302	11.3	2.3	22.5%	9.4%

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Giảm giá hàng loạt mặt hàng bình ổn

HSBC: Việt Nam sẽ trải qua quá trình hồi phục kéo dài

EC hạ triển vọng tăng trưởng Eurozone

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

PVS lãi ròng quý III đạt 368 tỷ đồng, giảm 24%

FCN lãi 9 tháng gần 57 tỷ đồng, hoàn thành 39% kế hoạch năm

HAI lãi 9 tháng 38,5 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ

► Tin kinh tế

Sở Tài chính TP.HCM vừa thông báo điều chỉnh 11 mặt hàng thực phẩm thuộc nhóm trứng, thịt gia súc gia cầm. Theo ông Nguyễn Quốc Chiến - trưởng ban vật giá, Sở Tài chính TP.HCM, đợt điều chỉnh hàng bình ổn này chủ yếu do giá ngoài thị trường giảm. Bên cạnh đó, nguồn cung dồi dào và các yếu tố cấu thành giá có dấu hiệu giảm như giá xăng dầu, giá gas giảm đã tác động, buộc phải giảm giá hàng loạt mặt hàng bình ổn. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp cho biết sức mua yếu kém cũng là yếu tố khiến giá hàng hóa giảm.

Ngân hàng HSBC dự báo năm 2014 sẽ có xuất siêu thương mại 1,8 tỉ USD và trong năm 2015 số xuất siêu sẽ ít hơn, ở mức 0,5 tỉ USD. HSBC cũng nhận định nhiều khả năng Việt Nam sẽ củng cố lại vị thế tài chính mặc dù năm nay, thâm hụt ngân sách sẽ tiếp tục tăng do có chi ngân sách thì cao còn thu ngân sách thì chậm. Dù không quá lo ngại cho Việt Nam, HSBC cho biết sẽ tiếp tục quan sát kỹ tỉ lệ lệ thuộc vào tín dụng Việt Nam bởi các dòng tiền chi ra dễ dàng thường khó dẫn đến sự giàu mạnh bền vững. Từ lâu HSBC đã lập luận rằng ngành sản xuất và các ngành phục vụ xuất khẩu của Việt Nam là những điểm sáng trên thị trường mới nổi châu Á. Và nếu Việt Nam kiểm soát được tăng trưởng tín dụng ở ạt thì mức tăng trưởng sẽ tăng dần từ năm 2014 đến 2016.

Theo Ủy ban châu Âu (EC), phải mất thêm 1 năm nữa kinh tế khu vực đồng euro mới có thể đạt tốc độ tăng trưởng trung bình. Theo đó, EC hạ dự báo tăng trưởng năm 2014 của khu vực đồng euro xuống 0,8% từ 1,2% dự báo trước đó. Sau đó, kinh tế Eurozone dự báo sẽ tăng trưởng nhanh hơn, đạt 1,1% năm 2015 và 1,7% năm tiếp theo. EC cho biết, kinh tế Eurozone đang mất dần đà tăng trưởng khi các nền kinh tế lớn như Đức, Pháp và Italy đồng loạt suy yếu trong khi lạm phát có dấu hiệu chậm lại và tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. EC dự báo, lạm phát sẽ xuống còn 0,8% trong năm 2015 trước khi tăng lên 1,5% trong năm tiếp theo.

► Tin doanh nghiệp

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX: mã PVS) công bố kết quả kinh doanh quý III/2014 với doanh thu tăng nhưng lợi nhuận giảm mạnh. Lãi cổ đông công ty mẹ lũy kế 9 tháng đạt 1.168 tỷ đồng, tăng 14%. Công ty đã vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế vào quý II và sau 9 tháng, vượt 43%. Doanh thuần quý này đạt gần 9.526 tỷ đồng, tăng 24%. Giá vốn tăng 31% khiến lợi nhuận gộp giảm tới 39%, còn gần 432 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 9,3% xuống 4,5%. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý tăng, lợi nhuận khác giảm khiến lợi nhuận sau thuế quý này chỉ còn 301 tỷ đồng, giảm 40%. Tổng tài sản của PVS tới 30/9/2014 là 17.505 tỷ đồng, tăng 23% so với đầu năm.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON (HOSE: Mã FCN) vừa công bố báo cáo tài chính quý III/2014 và 9 tháng đầu năm. Lũy kế 9 tháng đầu năm, công ty đạt doanh thu gần 591 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 57 tỷ đồng, lần lượt giảm 15% và 17% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu trong quý III/2014 đạt 121 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Cùng với đó, giá vốn hàng bán cũng tăng 50%, đạt 92,4 tỷ đồng. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn hết quý III ghi nhận 293 tỷ đồng, tăng lên gấp đôi so với đầu năm. Trong đó, đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh là 215 tỷ đồng và đầu tư dài hạn khác hơn 78 tỷ đồng. Nợ vay dài hạn đạt 315 tỷ đồng, cao gấp 8 lần so với đầu năm.

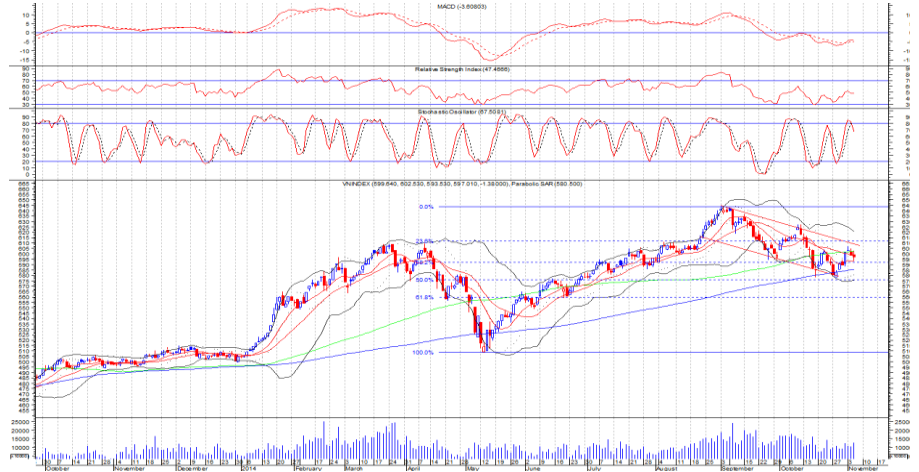
Công ty Cổ phần Nông dược HAI (HOSE: mã HAI) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Lợi nhuận sau thuế đạt 38,49 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm trước. EPS tương ứng đạt 2.212 đồng. Tổng doanh thu 9 tháng đạt gần 897 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Hệ số lợi nhuận gộp/doanh thu thuần đạt 18%. Tổng tài sản cuối kỳ đạt 819,5 tỷ đồng, tăng 19% so với số đầu kỳ. Hệ số nợ/tổng tài sản là 53%. Trong đó, hàng tồn kho cuối kỳ đạt 310,4 tỷ đồng, tăng 53% so với số đầu kỳ.

HOSE 05/11/2014 VNINDEX 597.01 -1.38 -0.23% 146,011,840 CP 2,396.37 bil VND

Lực cầu bất đáy khiến thanh khoản gia tăng, chỉ số 2 sàn tiếp tục điều chỉnh

VN-Index giảm 1.38 điểm (-0.23%), đóng cửa tại mức 597,01 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, VN-Index điều chỉnh và nằm ở vùng MA20.

- MACD tiếp tục gia tăng, điều này cho thấy đà tăng của VN-Index vẫn còn.
- Stochastic Oscillator đi xuống cho tín hiệu bán ra ở phiên hôm nay.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 47.
- VN-Index vẫn đang ở vùng MA100, MA20. Đây là vùng VN-Index đã hồi lại nhưng không thành công ở nhịp hồi trước. MA20 vẫn đang đóng vai trò hỗ trợ tốt cho VN-Index.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	8,482,260
OGC	-0.3 (-3.2%)	7,989,220
HQC	0.2 (2.6%)	7,670,100
KBC	0 (0.0%)	7,480,660
VHG	-0.1 (-0.6%)	7,321,150

HOSE Top 5 theo % tăng

HDC	1.4 (6.9%)	1,150
SRC	2.2 (6.9%)	115,950
NKG	0.9 (6.8%)	720,780
DHA	0.9 (6.8%)	448,350
SAV	0.8 (6.7%)	16,360

HOSE Top 5 theo % giảm

GTA	-1 (-6.9%)	1,810
HSI	-0.2 (-6.9%)	1,100
HTL	-1.8 (-6.9%)	1,690
TBC	-1.8 (-6.8%)	5,600
HVX	-0.4 (-6.3%)	1,960

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MSN	8,1 tỷ	98,890
HAG	7,1 tỷ	284,430
VSH	5,7 tỷ	395,770
PVD	5,0 tỷ	53,250
HDG	3,4 tỷ	120,120

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

SSI	-16,5 tỷ	539,540
KBC	-12,5 tỷ	744,330
DPM	-4,1 tỷ	137,030
KDC	-4,0 tỷ	63,830
VNM	-2,2 tỷ	21,060

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	384,110	5.57

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực chốt lời vẫn tiếp tục xuất hiện khá mạnh ở phiên hôm nay. Đà giảm lan rộng khiến VN-Index chịu áp lực điều chỉnh mạnh ở phiên chiều.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 128 triệu. Thanh khoản gia tăng phần nhiều là do áp lực chốt lời ngắn hạn, còn lực cầu hầu hết là chờ đợi ở vùng giá thấp.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 5,57 tỷ. Khối này mua mạnh MSN, HAG, trong khi bán nhiều ở KBC, SSI.
- ▶ VN-Index nhiều khả năng vẫn chịu áp lực điều chỉnh tuy nhiên nhịp điều chỉnh có lẽ không quá mạnh.
- ▶ NĐT đã có lợi nhuận có thể thực hiện chốt lãi một phần, cân nhắc nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục, tránh việc mua đuổi giá khi thanh khoản chưa bứt phá.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	104.0	197,080.00	17.0	5.6	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	104.0	104,012.33	17.2	4.7	34.1%	27.1%
VCB	2,665.0	27.4	73,021.56	15.9	1.4	10.6%	1.0%
VIC	1,453.1	48.5	70,473.15	14.3	2.6	27.6%	6.2%
MSN	735.8	81.0	59,600.46	-1,447.9	4.1	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	9.1	1.1	12.3%	0.7%
PVD	303.0	94.0	28,485.47	12.2	2.4	22.7%	10.7%
HPG	481.9	55.5	26,745.90	8.5	2.4	30.2%	14.7%
BVH	680.5	38.1	25,925.96	21.4	2.2	10.2%	2.1%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

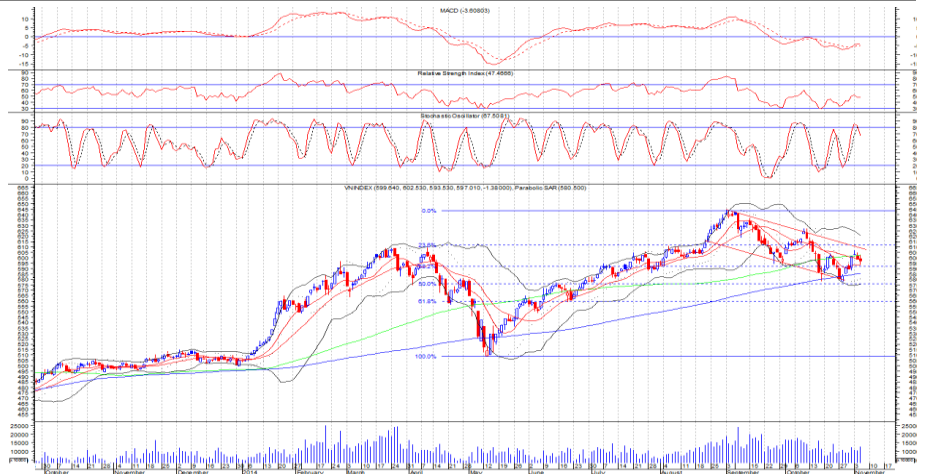
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.6	779.10	33.8	0.9	NA	TH.DOI
HBC	52.7	16.9	890.50	20.5	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.7	2,275.88	7.0	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	67.0	3,047.06	8.2	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	3.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 05/11/2014 HNX-Index 88.68 -0.03 -0.04% 68,058,249 CP 993.74 bil. VND

Lực cầu bất đậy khiến thanh khoản gia tăng, chỉ số 2 sàn tiếp tục điều chỉnh

Chỉ số HNX-Index giảm 0.03 điểm (-0.04%), đóng cửa tại mốc 88.68 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, cây nến gần giống nến Doji thể hiện sự lưỡng lự của thị trường.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm và cho tín hiệu bán ra.
- MACD sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng nhẹ.
- RSI (14) sụt xuống mức 47.
- MA10 và MA20 dừng đà tăng và đang đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho chỉ số HNX-Index.



HNX Top 5 theo KLGĐ

KLF	0.4 (3.5%)	14,541,830
PVX	0.3 (5.0%)	7,847,140
FIT	2.5 (9.7%)	6,061,500
SCR	0.1 (1.0%)	3,361,830
VND	0.3 (1.9%)	2,520,750

HNX Top 5 theo % tăng

PIV	0.7 (9.9%)	6,600
GMX	1.1 (9.8%)	200
FIT	2.5 (9.7%)	6,061,500
L14	1.9 (9.7%)	140,700
BAM	1.6 (9.5%)	267,000

HNX Top 5 theo % giảm

SSM	-1.3 (-9.8%)	12,250
MCC	-1.3 (-9.7%)	200
MCF	-1.9 (-9.5%)	1,010
PID	-0.4 (-9.1%)	1,400
HLC	-0.7 (-7.6%)	500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	7,6 tỷ	186,790
VND	3,1 tỷ	194,810
BVS	2,5 tỷ	178,700
SHS	1,8 tỷ	154,200
SD9	1,4 tỷ	97,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-6,9 tỷ	203,900
FIT	-1,4 tỷ	51,900
ACB	-1,3 tỷ	87,900
TNG	-1,1 tỷ	45,300
SLS	-0,4 tỷ	15,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	572,005	8.50

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực chốt lời vẫn tiếp tục xuất hiện khá mạnh ở phiên hôm nay. Đà giảm lan rộng khiến HNX-Index chịu áp lực điều chỉnh mạnh ở phiên chiều.
- ▶ KLGĐ gia tăng và đạt 65 triệu. Thanh khoản gia tăng phần nhiều là do áp lực chốt lời ngắn hạn, còn lực cầu hầu hết là chờ đợi ở vùng giá thấp.
- ▶ Khối ngoại mua ròng trở lại với giá trị 8,5 tỷ. Khối này mua mạnh VND, PVS trong khi bán nhiều ở PVC, FIT.
- ▶ HNX-Index đã phá vỡ kênh tăng giá trung hạn, dù chỉ số này hồi phục trở lại nhưng chúng tôi đánh giá không cao về nhịp hồi phục lần này.
- ▶ NĐT đã có lợi nhuận có thể thực hiện chốt lãi một phần, cân nhắc nhịp điều chỉnh để cơ cấu danh mục, tránh việc mua đuổi giá khi thanh khoản chưa bứt phá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	41.0	18,314.72	10.4	2.2	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.1	13,737.69	25.8	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.6	7,620.32	9.0	0.7	8.2%	0.7%
VCG	441.7	12.9	5,698.07	10.0	1.0	10.4%	2.4%
OCH	200.0	24.8	4,960.00	81.6	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.0	4,052.85	14.0	0.7	4.7%	1.9%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	22.9%	15.2%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.8	0.8	12.7%	5.7%
PVX	400.0	6.3	2,520.00	- 1.9	3.2	-128.0%	-7.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	35.7	1,356.60	8.5	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.6	617.76	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	100.0	16.1	1,609.98	12.1	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	33.7	1,685.00	10.2	1.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	43.5	342.56	8.1	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	15.75%	48.5	14.32	2.57	1,315,800	1,754,838	2,093,412
HPG	HOSE	481.9	26,745.90	13.53%	55.5	8.54	2.35	489,512	690,653	813,542
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	11.69%	94.0	12.21	2.35	408,318	606,591	560,529
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	11.42%	81.0	#####	4.12	167,234	209,365	243,859
HAG	HOSE	789.9	19,826.47	8.11%	25.1	10.46	1.35	3,089,940	3,438,705	3,781,540
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.47%	18.8	8.82	1.22	346,889	360,659	420,754
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	5.75%	27.4	15.94	1.43	309,316	272,759	497,184
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	4.79%	30.1	9.62	1.25	501,737	518,484	1,093,765
ITA	HOSE	718.9	6,110.70	2.96%	8.5	66.65	0.79	4,498,077	5,256,685	7,712,778
KBC	HOSE	389.8	6,547.97	2.57%	16.8	28.67	1.31	5,082,110	5,162,401	4,289,798
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	2.30%	38.1	21.38	2.24	219,813	218,135	241,054
HSG	HOSE	96.3	4,863.81	2.06%	50.5	14.90	2.15	250,675	489,335	336,930
GMD	HOSE	116.1	3,948.69	1.83%	34.0	7.89	0.83	365,327	521,768	761,235
PPC	HOSE	318.2	7,953.87	1.68%	25.0	11.01	1.49	332,341	339,488	661,887
HVG	HOSE	132.0	4,329.59	1.56%	32.8	14.89	1.80	1,444,149	1,852,671	1,767,157
CSM	HOSE	67.3	3,055.06	1.50%	45.4	8.79	2.41	144,886	172,966	257,926
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.48%	17.9	18.13	1.36	1,452,215	1,836,071	2,251,204
DRC	HOSE	83.1	5,150.58	1.48%	62.0	14.90	3.60	68,351	113,047	189,411
VSH	HOSE	206.2	2,990.50	1.31%	14.5	13.97	1.09	538,985	491,185	698,629
DIG	HOSE	178.7	2,502.41	1.01%	14.0	68.61	0.85	776,586	1,105,516	928,481
OGC	HOSE	300.0	2,760.00	0.76%	9.2	35.07	0.90	8,485,618	6,079,615	4,708,999

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	8.28%	48.5	14.32	2.57	1,315,800	1,754,838	2,093,412
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	8.09%	81.0	#####	4.12	167,234	209,365	243,859
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	6.66%	27.4	15.94	1.43	309,316	272,759	497,184
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	6.34%	18.8	8.82	1.22	346,889	360,659	420,754
PVS	HNX	446.7	18,314.72	5.45%	41.0	10.38	2.20	2,275,780	2,824,872	3,860,509
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	4.54%	38.1	21.38	2.24	219,813	218,135	241,054
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	4.18%	30.1	9.62	1.25	501,737	518,484	1,093,765
PVD	HOSE	303.0	28,485.47	4.04%	94.0	12.21	2.35	408,318	606,591	560,529
HAG	HOSE	789.9	19,826.47	3.68%	25.1	10.46	1.35	3,089,940	3,438,705	3,781,540
ITA	HOSE	718.9	6,110.70	2.96%	8.5	66.65	0.79	4,498,077	5,256,685	7,712,778
PPC	HOSE	318.2	7,953.87	2.75%	25.0	11.01	1.49	332,341	339,488	661,887
FLC	HOSE	314.9	3,526.81	2.56%	11.2	8.49	0.80	9,062,577	9,523,580	15,168,560
SHB	HNX	886.1	7,620.32	2.53%	8.6	9.02	0.72	3,326,439	4,793,164	4,998,017
VCG	HNX	441.7	5,698.07	2.03%	12.9	10.03	1.03	1,247,763	1,314,106	1,422,181
OGC	HOSE	300.0	2,760.00	1.69%	9.2	35.07	0.90	8,485,618	6,079,615	4,708,999
PVT	HOSE	255.9	4,579.85	1.61%	17.9	18.13	1.36	1,452,215	1,836,071	2,251,204
DRC	HOSE	83.1	5,150.58	0.95%	62.0	14.90	3.60	68,351	113,047	189,411
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.62%	13.5	22.71	1.30	768,159	678,992	1,660,855
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 1.94	3.24	5,172,539	7,000,922	9,507,265

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	0.00%	48.5	14.32	2.57	1,315,800	1,754,838	2,093,412
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.00%	81.0	#####	4.12	167,234	209,365	243,859
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	0.00%	30.1	9.62	1.25	501,737	518,484	1,093,765
HAG	HOSE	789.9	19,826.47	0.00%	25.1	10.46	1.35	3,089,940	3,438,705	3,781,540
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.00%	27.4	15.94	1.43	309,316	272,759	497,184
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.00%	18.8	8.82	1.22	346,889	360,659	420,754
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.00%	38.1	21.38	2.24	219,813	218,135	241,054
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	444,534	360,233	390,607
GAS	HOSE	1,895.0	197,080.00	0.00%	104.0	17.03	5.58	267,214	468,939	403,375

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,600.46	0.88%	81.0	#####	4.12	167,234	209,365	243,859
VIC	HOSE	1,453.1	70,473.15	0.56%	48.5	14.32	2.57	1,315,800	1,754,838	2,093,412
STB	HOSE	1,142.5	21,479.22	0.31%	18.8	8.82	1.22	346,889	360,659	420,754
VCB	HOSE	2,665.0	73,021.56	0.24%	27.4	15.94	1.43	309,316	272,759	497,184
DPM	HOSE	379.9	11,436.02	0.15%	30.1	9.62	1.25	501,737	518,484	1,093,765
BVH	HOSE	680.5	25,925.96	0.08%	38.1	21.38	2.24	219,813	218,135	241,054

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

05 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,278	6.8	0.9	13.2%	8.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,325	9.7	1.5	16.0%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,946	28.4	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	907	6.6	1.0	13.9%	7.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,496	14.1	2.0	22.0%	10.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,950	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,816	95.2	6.1	-3.8%	-3.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,178	14.4	1.5	13.5%	7.6%
Xây dựng	32,431	63.0	1.3	-2.0%	1.9%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,267	9.6	1.2	15.7%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	1,235	8.1	1.3	16.6%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,486	7.0	1.0	13.3%	6.7%
Thiết bị điện	2,126	38.7	1.1	2.6%	0.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	46	15.1	0.6	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,627	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,597	3.3	1.1	4.0%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	11,190	8.9	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	6,550	9.0	1.6	19.1%	11.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,741	11.4	1.5	16.7%	8.0%
Đào tạo & Việc làm	264	10.5	0.8	8.5%	3.1%
Nhà cung cấp thiết bị	196	8.9	0.9	11.9%	4.8%
Chất thải & Môi trường	182	2.8	0.8	34.1%	16.2%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,213	13.5	1.3	14.6%	7.2%
Lốp xe	8,908	11.5	3.0	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,553	7.0	1.2	17.4%	9.3%
Vang & Rượu mạnh	330	14.3	2.2	16.7%	10.4%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,734	11.2	1.9	18.8%	6.6%
Thực phẩm	195,694	23.8	4.1	20.5%	16.1%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	72	20.3	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,651	9.1	1.4	15.0%	7.4%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	560	35.4	1.4	3.9%	2.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,640	8.8	1.8	19.7%	7.7%
Giày dép	10	1.4	0.6	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,981	11.2	2.0	17.9%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	688	7.9	1.1	2.5%	4.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,969	18.0	1.0	6.4%	3.7%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	206	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,604	11.2	2.9	22.6%	14.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	272	43.2	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	722	9.8	1.2	13.9%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,039	10.5	1.8	18.5%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,123	10.4	1.0	9.3%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,565	71.6	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,595	21.2	1.3	11.2%	9.5%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,723	18.5	3.5	23.4%	20.3%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	759	18.2	1.0	5.6%	2.0%
Internet	333	70.2	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,817	10.7	2.3	21.8%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	485	15.4	0.8	4.7%	1.8%
Thiết bị văn phòng	308	5.2	1.0	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	13,419	34.7	4.9	34.1%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,282	9.5	1.4	15.8%	7.6%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,841	16.6	5.4	33.0%	22.6%
Nước	1,239	6.6	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,409	8.1	1.0	11.6%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,935	12.5	0.8	6.4%	2.6%
Tái bảo hiểm	2,753	8.8	0.8	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	26,130	21.4	2.2	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,080	37.2	1.1	2.7%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,816	13.1	1.7	10.7%	7.7%
Ngân hàng					
Ngân hàng	239,652	11.3	1.2	10.5%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	196,095	17.9	4.6	24.2%	5.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	50,302	11.3	2.3	22.5%	9.4%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.